

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 4 - 2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Vũ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2018, chị Võ Thị Cẩm N trình bày: Chị N và anh Nguyễn Tấn B qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến hôn nhân vào năm 2010, nhưng đến ngày 14/7/2016 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 02 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, bị áp lực rất

hiều về mặt tinh thần. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị N có đơn xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị N và anh B có 01 con chung là Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 11/01/2011, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh B để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh B vắng mặt không lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đến ngày 18/4/2019, anh Nguyễn Tấn B có mặt và có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Anh B thống nhất với lời trình bày của chị N về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, Anh B cho rằng nguyên nhân chị N có người khác, nên ly hôn với anh, thực tế vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 02 năm. Do đó anh B đồng ý ly hôn với chị N, giao con chung là Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 11/01/2011 cho chị N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Chị N trình bày nguyên nhân ly hôn là quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian khoảng 02 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, bị áp lực rất nhiều về mặt tinh thần, anh B cho rằng chị có tình cảm với người khác nên ly hôn là không đúng, Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 11/01/2011, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N khẳng định là không có.

Anh B vắng mặt tại phiên tòa, nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự thực hiện chưa đúng về việc có mặt khi được Tòa án triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét

xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị N cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh B không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do chị N có tình cảm với người khác, nên anh B đồng ý ly hôn với chị N và thống nhất với lời trình bày của chị N về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã thật sự sâu sắc trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của chị N có cơ sở, nên đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thanh S (nam) sinh ngày 11/01/2011, anh B đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, nên chấp nhận giao con chung cho chị N nuôi dưỡng; Chị N tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác nếu có đơn yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Võ Thị Cẩm N và anh Nguyễn Tấn B, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị N có đơn xin ly hôn với anh B. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn xác nhận ngày 24/9/2018, Công an xã T xác nhận anh Nguyễn Tấn B có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ, anh B thường xuyên sinh sống và có mặt tại địa phương. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh B để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B Vắng mặt. Đến ngày 18/4/2019, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh B có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn với anh B xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sự tin tưởng lẫn nhau, chị N bị áp lực về mặt tinh thần, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại biên bản các minh mâu thuẫn gia đình ngày 18/01/2019, ghi nhận anh B hiện tại đi làm ăn xa, địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh B. Anh B đồng ý ly hôn với chị N vì cho rằng chị N có tình cảm với người khác và thống nhất với lời trình bày của chị N về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh B đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, mục đích hôn nhân là hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thanh S, cháu S có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, anh B đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, nên giao cháu Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 11/01/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị Cẩm N với anh Nguyễn Tấn B.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn B.

Về con chung: Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh S (nam), sinh ngày 11/01/2011 đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh B, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này các đương sự có tranh chấp và yêu cầu khởi kiện thì giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 001198 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thừa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND xã T, H. Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt